

DANH SÁCH CB-GV-CNV LÃNH TIỀN HỖ TRỢ GIÁO DỤC MẦM NON TP HCM THÁNG 10 NĂM 2021
(CĂN CỨ NGHỊ QUYẾT 01/2014/NQ -HĐND ngày 14/6/2014)

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	MỨC HỖ TRỢ	TỔNG CỘNG	HỆ SỐ LƯƠNG	PC VK	PCCV	SỐ THÁNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Lương Ngọc Minh	Hiệu trưởng	35%	4,49	3,99		0,5	1	2.341.535	
2	Hồ Thị Kim Liên	Phiệu trưởng	35%	5,23	4,98	0,249		1	3.116.484	Truy 7,8,9/2021
3	Đoàn Thị Thanh Huệ	Phiệu trưởng	35%	4,65	4,65			1	2.424.975	
4	Lý Thị Ngọc Bích	Giáo viên	35%	3,65	3,65			1	2.388.470	Truy 7,8,9/2021
5	Phạm Ngọc Minh Phương	Giáo viên	35%	2,72	2,72			1	1.418.480	
6	Mai Thị Ước	Giáo viên	25%	2,46	2,46			1	916.350	
7	Nguyễn Thị Hường	Giáo viên	25%	3,34	3,34			1	1.244.150	
8	Hoàng Thụy Hồng Vân	Giáo viên	25%	2,66	2,66			1	990.850	
9	Phạm Thị Bích Huyền	Giáo viên + Tổ trưởng	25%	5,479	4,98	0,299	0,20	1	2.040.928	
10	Nguyễn Thị Kim Anh	Giáo viên + Tổ trưởng	25%	5,18	4,98		0,20	1	1.929.550	
11	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	Giáo viên	25%	4,65	4,65			1	1.732.125	
12	Đặng Thị Mai Lan	Giáo viên	25%	4,65	4,65			1	1.732.125	
13	Trương Thị Ngọc Dung	Giáo viên	25%	3,96	3,96			1	1.475.100	
14	Trần Thị Yến Nhi	Giáo viên	25%	3,65	3,65			1	1.359.625	
15	Đỗ Thị Hồng Bích Xuân	Giáo viên	25%	2,72	2,72			1	1.013.200	
16	Trần Thị Nhung	Giáo viên	25%	2,72	2,72			1	1.013.200	
17	Nguyễn Thùy Long	Kế toán trưởng	25%	4,27	4,27			1	1.590.575	
18	Nguyễn Thị Thảo	Văn thư+ Tổ trưởng	25%	4,95	4,06	0,690	0,20	1	1.843.875	
19	Nguyễn Thúy Quỳnh	Giáo viên + Tổ trưởng	25%	3,26	3,06		0,20	1	1.214.350	
20	Bùi Thị Hương	Giáo viên + Tổ trưởng	25%	3,23	3,03		0,20	1	1.203.175	
21	Võ Huỳnh Bảo Ngọc	Giáo viên TS năm thứ 3	50%	1,86	1,86			1	745.000	
22	Nguyễn Ngọc Thanh Thủy	Cấp dưỡng	25%	2,26	2,26			1	841.850	
23	Ngô Thị Xuân Trang	Cấp dưỡng	25%	2,05	2,05			1	763.625	
	Tổng cộng			84,088	81,350	1,238	1,500		35.339.596	

Số tiền bằng chữ: Ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi chín ngàn năm trăm chín mươi sáu đồng.

Kế toán trưởng



Nguyễn Thùy Long



Ngày 01 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Lương Ngọc Minh